

Số: 728 /BVDL-KD
V/v mời chào giá cung cấp dịch vụ
thẩm định giá vật tư y tế, hóa chất

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Các Công ty cung cấp dịch vụ thẩm định giá

Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng kính mời các Công ty có chức năng thẩm định giá tham gia thẩm định giá vật tư y tế, hóa chất của bệnh viện, cụ thể như sau:

- Tên tài sản thẩm định giá: Các mặt hàng theo chi tiết Phụ lục đính kèm.
- Mục đích thẩm định giá: làm cơ sở xây dựng giá gói thầu.
- Đơn vị nhận báo giá: Khoa Dược - Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, số 91 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Số điện thoại liên hệ: 0236.3757567 vào giờ hành chính trừ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ.
- Thời gian nhận báo giá: Từ ngày phát hành thông báo chào giá đến **trước 16 giờ ngày 11 tháng 12 năm 2023.**

Hồ sơ chào giá gồm:

- + Thư chào giá dịch vụ thẩm định giá;
- + Văn bản chứng minh công ty có chức năng trong việc chào giá tương ứng
- + Hợp đồng tương tự đã ký kết về việc cung cấp dịch vụ thẩm định giá (nếu có).

Lưu ý: Hồ sơ chào giá bỏ vào phong bì, niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung **tham gia chào giá dịch vụ thẩm định giá vật tư y tế, hóa chất của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng** để theo dõi. Người tham dự chào giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ và ký tên khi nộp hồ sơ. Đơn vị chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ chào giá và các Đơn vị chào giá đảm bảo độc lập, không liên quan với nhau.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNTT để đăng trên Website;
- Lưu: VT, KD.



Kim Văn Hùng

PHỤ LỤC
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT MỜI DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ
(Đính kèm Thư mời chào giá số 728 /BVDL-KD ngày 06 tháng 12 năm 2023
của Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	Găng tay khám bệnh	Găng tay y tế size S, M chất liệu cao su thiên nhiên, có bột, chưa tiệt trùng	Đôi	92.600
2	Găng tay phẫu thuật vô trùng size 7,0	Găng tay phẫu thuật vô trùng size 7,0. Chế tạo từ Latex cao su tự nhiên, có bột, vô trùng	Đôi	1.950
3	Găng tay phẫu thuật vô trùng size 6,5	Găng tay phẫu thuật vô trùng size 6,5. Chế tạo từ Latex cao su tự nhiên, có bột, vô trùng	Đôi	2.300
4	Bơm tiêm 1ml có kim	Bơm tiêm nhựa 1ml liền kim, cỡ kim 26G. Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng, có nắp chụp bảo vệ. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	Cái	13.400
5	Bơm tiêm insulin 1ml	Bơm tiêm insulin 1ml. Kim 30G, làm bằng chất liệu thép không gỉ, kim được gắn với thân bơm tiêm. Thân bơm tiêm chất liệu polypropylene, không chứa chất độc hại. Đóng gói tiệt trùng từng cái	Cái	1.000
6	Bơm tiêm 10ml có kim	Bơm tiêm nhựa 10ml liền kim, cỡ kim 23G, 25G. Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng, có nắp chụp bảo vệ. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	Cái	2.800
7	Kim châm cứu	Thân kim được làm bằng thép không gỉ, cán kim được cuộn bằng sợi thép. Đóng gói tiệt trùng từng cây	cây	1.500
8	Bông y tế thấm nước	Bông 100% sợi cotton tự nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toi và có độ thấm hút cao. Không độc tố và gây dị ứng	Kg	200
9	Gạc phẫu thuật vô trùng	Gạc phẫu thuật 7cm x 11cm x 12lớp, vô trùng, 100% cotton	Cái	12.000
10	Que tăm bông cán dài, không tiệt trùng	Que tăm bông dài ≥ 15 cm, không tiệt trùng	Cái	25.300
11	Kim bướm các số	Kim bướm các số 23,25. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	100
12	Kim chích máu đầu ngón tay	Kim chích máu đầu ngón tay. Chất liệu: Thép không gỉ, được tiệt trùng	Cái	25.200
13	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao mổ các số, làm bằng thép carbon không gỉ hoặc tương đương, được tiệt trùng	Cái	4.400

Uân

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
14	Băng dính vải	Kích thước: 25mm x 6m hoặc tương đương; chất liệu vải không đan dệt, không chứa cao su	Cuộn	600
15	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid, màu xanh, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm	Sợi	840
16	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid, màu xanh, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm	Sợi	264
17	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 6/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid, màu xanh, số 6/0, dài 45cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 12mm	Sợi	660
18	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 7/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid, màu xanh, số 7/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 13mm	Sợi	120
19	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0, dài 75cm, Kim tròn, 1/2 vòng tròn dài 20mm	Sợi	60
20	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 5/0, dài 75 cm, Kim tròn, 1/2 vòng tròn dài 17mm	Sợi	192
21	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6/0, dài 45 cm. Kim tròn 1/2 vòng tròn dài 13mm	Sợi	708
22	Mũ giấy phẫu thuật, vô trùng	Nguyên liệu gác không dệt, thông thoáng, mềm mại, đảm bảo bao phủ tóc. Đóng gói tiệt trùng từng cái	Cái	3.500
23	Khăn đắp phẫu thuật 0,8 x 1,2m, vô trùng	Khăn đắp phẫu thuật 0,8 x 1,2m, vô trùng	Cái	1.670
24	Gel điện tim	Không gây dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa chất dầu, không có formaldehyde và muối, không có mùi hôi và không gây độc hại	Bình	160
25	Hộp đựng vật sắc nhọn	Hộp đựng chất thải lây nhiễm, sắc nhọn. Chất liệu nhựa HDPE, màu vàng y tế, nắp đậy kín màu đỏ, có vạch giới hạn mức độ đầy, đảm bảo khi vận chuyển vật sắc nhọn không bị bung, rơi ra ngoài. Dung tích $\geq 1,5$ lít	Hộp	500
26	Dung dịch tẩy rửa sinh học đa enzyme	Dung dịch tẩy rửa sinh học đa enzyme hiệu quả với mọi chất bẩn. Tẩy rửa dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và các dụng cụ y tế khác bằng cách ngâm, bồn rửa siêu âm hoặc máy rửa dụng cụ. Can ≥ 5 lít	Can	8
27	Chlorine	Hóa chất sát khuẩn dạng bột. Hàm lượng $\geq 70\%$	gam	90.000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
28	Dung dịch rửa tay nhanh trước khi thăm khám, phẫu thuật, không cần nước	Dung dịch rửa tay nhanh trước khi thăm khám, phẫu thuật, không cần nước. Chai Chai nhựa, nắp ấn vòi, thể tích $\geq 500\text{ml}$, chứa Chlorhexidine gluconat $\geq 0,5\%$ + Ethanol 70%.	Chai	115
29	Hộp chữ nhật inox	Hộp chữ nhật inox kích thước 10x22 cm	Cái	15
30	Kéo phẫu thuật cong 10,5cm	- Kéo phẫu thuật cong, dài 10,5 cm, cán vàng - Chất liệu: Thép y tế không rỉ - Dung sai chiều dài: $\pm 5\%$	Cái	75
31	Kẹp phẫu tích có máu, đầu nhỏ	- Kẹp phẫu tích có máu, đầu 0,5mm, dài 8,5cm - Chất liệu: Thép y tế không rỉ - Dung sai chiều dài: $\pm 5\%$	Cái	50
32	Cán dao mổ số 3	- Cán dao mổ số 3 - Chất liệu: Thép y tế không rỉ	Cái	15
33	Khay hạt đậu	Chất liệu: Inox	Cái	20
34	Pine thẳng không máu	- Panh không máu, dài 14 cm, thẳng - Chất liệu: Thép y tế không rỉ - Dung sai chiều dài: $\pm 5\%$	Cái	40
35	Pen gấp gạc y tế	- Pen gấp gạc y tế 25cm - Chất liệu: Thép y tế không rỉ - Dung sai chiều dài: $\pm 5\%$	Cái	4
36	Kéo cắt gạc	- Kéo cắt gạc 20cm - Chất liệu: Thép y tế không rỉ - Dung sai chiều dài: $\pm 5\%$	Cái	10
37	Chén Inox	Đường kính 7-8cm	Cái	5
38	Hộp inox tròn hấp dụng cụ	Đường kính 35cm	Cái	3
39	Hộp inox tròn hấp dụng cụ	Đường kính 25cm	Cái	5
40	Gel bôi trơn	Không màu, không mùi, không tác dụng phụ. Gel tan trong nước, đã tiệt trùng	Hộp	33
41	Hóa chất Javel (NaClO)	Hóa chất Javel (NaClO) khử trùng trong y tế	Kg	390
42	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em, chống gãy gấp tắc nghẽn, dài $\geq 200\text{cm}$	Cái	50
43	Huyết áp kế người lớn + Tai nghe	Huyết áp kế người lớn + Tai nghe	Cái	10
44	Huyết áp kế trẻ em + Tai nghe	Huyết áp kế trẻ em + Tai nghe	Cái	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
45	Nhiệt kế thủy ngân	Nhiệt kế thủy ngân, thang đo đến 42 độ	Cái	10
46	Tube đựng nước tiểu vô trùng	Tube đựng nước tiểu vô trùng. Có nhãn ghi thông tin người bệnh	Cái	4.300
47	Paraffin	Paraffin type 6. Bao 0.9kg hoặc tương đương	Bao	20
48	Hóa chất thay thế Xylene	Là hỗn hợp pha trộn giữa các isoparaffinic aliphatic hydrocarbons. Không làm cứng mẫu trong thời gian dài. Dùng được với tất cả các loại máy xử lý mô và máy nhuộm tự động. Không benzene. Ít bay mùi.	Lít	36
49	Hematoxylin	Thuốc thử dùng nhuộm hematoxylin và eosin (HE) thường quy và phản màu trong hóa mô miễn dịch.	Lít	3
50	Eosin	Làm thuốc nhuộm tương phản cho hematoxylin trong phương pháp nhuộm mô học, nhuộm hematoxylin và eosin (HE).	Lít	1
51	Lamen 24x50 mm	Lamen 24x50mm ($\pm 5\%$), trong suốt. Quy cách 100 cái/ hộp hoặc tương đương	Hộp	10
52	Lưỡi dao cắt mô	Lưỡi dao dùng để cắt mô, bệnh phẩm các cỡ	Cái	240
53	Cassette	Cassette nhựa lưu trữ bệnh phẩm, có nắp	Cái	1.500
54	Lam kính mài	Lam kính mài, Kích thước $\geq 25 \times 75$ mm. Hộp 72 cái hoặc tương đương	Hộp	60
55	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm. Chứa Chlorhexidine gluconat 2% + chất làm mềm da. Can ≥ 5 lít	Can	3
56	Test phát hiện định tính nhanh HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người.	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B - Nguyên lý: sắc ký miễn dịch - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: khay nhựa - Quy cách đóng gói: 1 test trong 1 túi nhôm - Độ nhạy tương đối: $\geq 98\%$ - Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 96,8\%$ - Độ chính xác: $\geq 98\%$ - Ngưỡng phát hiện ≤ 1 ng/mL 	Test	1.600

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
57	Test phát hiện kháng nguyên Chlamydia	Độ nhạy tương quan $\geq 93,1\%$; Độ đặc hiệu tương quan $\geq 98,8\%$; Độ lặp lại 100%. Kit xét nghiệm gồm 1 lọ dung dịch tách chiết và 1 lọ dung dịch trung hòa. Ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ $\geq 40^{\circ}\text{C}$. Giới hạn phát hiện $\leq 19,7 \mu\text{g/ml}$	Test	1.600
58	Test phát hiện các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Phát hiện định tính kháng thể HIV1 và/ hoặc HIV 2 - Nguyên lý: sắc kí miễn dịch - Mẫu thử: máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Dạng: khay nhựa - Độ nhạy tương đối: $\geq 99,3\%$ - Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 99,1\%$ - Độ chính xác tương đối: $\geq 99,4\%$ 	Test	2.800
59	Amikacin 30 μg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
60	Ampicillin 10 μg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
61	Azithromycin 15 μg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
62	Cefotaxime 30 μg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
63	Ceftriaxone 30 μg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	100
64	Ciprofloxacin 5 μg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
65	Clindamycin 2 μg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
66	Đĩa giấy oxidase	Thực hiện thử nghiệm Oxidase	Khoanh	40
67	Hoá chất định danh các loài Neisseria	Hóa chất định danh Neisseria Neisseria dựa trên thử nghiệm lên men đường nhanh	Bộ	1
68	Imipenem 10 μg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
69	Levofloxacin 5 μg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
70	Nalidixic Acid 30 μg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	100
71	Nitrofurantoin 300 μg	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50

H VI
LIÊ
★

Chau

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
72	Penicillin 10UI	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	100
73	Tetracycline 30 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	100
74	Tobramycin 10 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
75	Trimethoprim/Sulfamethoxazole 1,25/23,25 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
76	Vancomycin 30 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
77	Bộ định danh vi khuẩn gram âm	Bộ định danh gồm 14 thử nghiệm sinh hóa dùng để định danh trực khuẩn gram âm, dễ mọc	Bộ	1
78	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen tìm vi khuẩn kháng acid cồn. Gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylene Blue	Bộ	3
79	Bộ thuốc nhuộm gram	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin.	Bộ	8
80	Thạch Chromagar	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt được dùng phân lập vi khuẩn gây nhiễm trùng tiêu	Đĩa	80
81	Thạch Chromagar Candida	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt được dùng phân lập và phân biệt các loài Candida	Đĩa	60
82	Thạch chứa môi trường nuôi cấy - huyết tương thỏ đông khô	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết thỏ đông khô để định danh Staphylococcus	Đĩa	20
83	Thạch Mueller Hinton	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn dễ mọc	Đĩa	100
84	Thạch nâu có VCN	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc được dùng phân lập chọn lọc vi khuẩn Neisseria	Đĩa	140
85	Thạch nâu có bổ sung yếu tố X, V	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc	Đĩa	160
86	Thuốc nhuộm Giemsa	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa. Chai 100ml hoặc tương đương	Chai	4

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
87	Khay giếng sâu pha loãng 96 đáy	Khay pha loãng 96 giếng, đáy U Quy cách: 1 khay/ 1 túi	Cái	70
88	Lamen 22x22mm	Lamen 22x22mm ($\pm 5\%$), trong suốt. Quy cách 100 cái/ hộp hoặc tương đương	Hộp	190
89	Lam kính thường	Lam kính thường $\geq 25 \times 75$ mm. Hộp 72 cái hoặc tương đương	Hộp	700
90	Que cấy nhựa vô trùng	Que cấy nhựa có cán gắn liền vòng khuyên, đóng gói vô trùng từng cái	Que	1.400
91	Ống nghiệm EDTA	- Mục đích: sử dụng lấy mẫu cho xét nghiệm huyết học - Chất kháng đông: EDTA K2 - Chất liệu: Được làm bằng nhựa PP, nắp cao su - Kích thước $\geq 12 \times 75$ mm. Thể tích mẫu: 2ml - Vạch thể tích trên thân ống cho dung tích chính xác. - Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	Cái	12.000
92	Găng tay không bột	Găng tay y tế size S,M chất liệu cao su thiên nhiên, không bột, chưa tiệt trùng	Đôi	500
93	Giấy lọc đường kính 11cm	Giấy lọc đường kính 11cm	Hộp	3

